TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2677/2022/LĐ-ST
Ngày: 18-7-2022
V/v tranh chấp tiền lương.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Phương Thảo*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. *Bà Trần Thị Hương*

2. *Bà Hồ Thị Thu Hiền*

- Thư ký phiên tòa: *Bà Bùi Thị Xuân Thu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố T - Thành phố Hồ Chí Minh*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: *Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên sơ cấp.*

Ngày 18 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử B Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 20/2020/TLST-LĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp tiền lương" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4223/2022/QĐXXST-LĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh Đ
Địa chỉ: Thôn L, xã N, huyện T, TP. Hà Nội.
Đại diện ủy quyền: Bà Trương Thị T (có mặt), ông Lê Hồng P
Địa chỉ: Tầng M, số 205A, phường S, quận B.

Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng Công Trình A (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Đ)
Địa chỉ: 33, LK 01, Đại lộ L, xóm 20, xã N, thành phố V, tỉnh A.
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th – Giám đốc
Đại diện ủy quyền: Ông Lê Tuấn N (có mặt)
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Công ty cổ phần xây dựng Công Trình G – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: 31 đường 5A, khu phố L, phường M, thành phố T
Người đứng đầu: Ông Trần Minh H – Giám đốc
Đại diện ủy quyền: Ông Lê Tuấn N (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/9/2020 và lời khai tại Tòa án, đại diện nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày:

Ngày 16/01/2019, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng Công Trình A (gọi tắt Công ty A) đã họp và quyết định thành lập chi nhánh của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện dự án đầu tư " Trạm trộn bê tông và cảng tạm tại VinCity Grand Park Quận X". Hội đồng quản trị Công ty A bổ nhiệm ông Nguyễn Minh Đ đứng đầu chi nhánh và chịu trách nhiệm phụ trách các hoạt động của chi nhánh.

Ngày 28/4/2019, Công ty A ký hợp đồng lao động với ông Đ với nội dung thỏa thuận:

- Loại hợp đồng lao động : có thời hạn 03 năm từ ngày 02/5/2019.
- Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tiền lương cơ bản: 50.000.000 đồng
- Phụ cấp gồm: phụ cấp nhà ở 10.000.000 đồng; phụ cấp xăng xe 5.000.000 đồng; phụ cấp giao thông, điện thoại, năng suất kinh doanh 115.000.000 đồng.

Tổng tiền lương và phụ cấp một tháng là 180.000.000 đồng.

Từ khi bắt đầu làm việc tại Công ty A cho đến ngày12/9/2019 ông Đ chính thức nghỉ việc, Công ty A chưa thanh toán đủ tiền lương, phụ cấp và năng suất kinh doanh cho ông Đ, cụ thể:

- Tháng 4/2019: Mới thanh toán 50.000.000 đồng, còn thiếu 130.000.000 đồng.
- Tháng 5/2019: Công ty chưa thanh toán lương, còn nợ 180.000.000 đồng.
- Tháng 6/2019: Mới thanh toán 56.650.000 đồng, còn thiếu 123.350.000 đồng.
- Tháng 7/2019: Mới thanh toán 30.000.000 đồng, còn thiếu 150.000.000 đồng.
- Tháng 8/2019: Mới thanh toán 30.000.000 đồng, còn thiếu 150.000.000 đồng.
- Tháng 9/2019: Công ty chưa thanh toán lương, còn thiếu 62.307.692 đồng.

Ông Đ kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lương và các khoản phụ cấp còn thiếu là 795.657.692 đồng và tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền lương tạm tính là 49.909.627 đồng theo quy định tại Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ-CP.

Tổng số tiền yêu cầu Công ty cổ phần Xây dựng Công trình A trả cho ông Đ là 845.567.319 đồng.

Đại diện bị đơn trình bày: Ông Đ không phải là người lao động của Công ty A. Ông Đ là một trong những cổ đông góp vốn thực hiện Dự án trạm trộn bê tông và cảng tạm tại Vincity Grand Park Quận X. Giai đoạn 1 (từ tháng 2/2019 đến tháng 4/2019) có cổ đông góp vốn: Công ty A, ông Trần Huy H và ông Đ. Giai đoạn 2 gồm có cổ đông góp vốn: Công ty A, ông Trần Huy H, ông Trần

Minh H, ông Lê Việt T và ông Nguyễn Minh Đ. Các thành viên góp vốn này mượn pháp nhân Công ty A để thành lập Công ty A1 - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Chi nhánh) để thực hiện dự án này. Chi nhánh có con dấu riêng, sử dụng nguồn vốn góp của các cổ đông này để thực hiện dự án, tự thu tự chi, hoạch toán độc lập, không phụ thuộc Công ty A. Công ty A có quyết định ngày 16/01/2019 bổ nhiệm ông Đ là người đứng đầu chi nhánh nhưng thực tế không có ký hợp đồng lao động với ông Đ.

Ngày 26/6/2019, các cổ đông họp về góp vốn giai đoạn 2 thì có cổ đông mới là ông Trần Minh H. Công ty A có quyết định bổ nhiệm ông H làm người đứng đầu Chi nhánh thay cho ông Đ, và bổ nhiệm ông Đ làm Phó giám đốc Chi nhánh. Thực tế giữa Công ty A với ông Trần Minh H cũng không có hợp đồng lao động, và ông H hưởng lương từ nguồn vốn góp của các cổ đông thực hiện Dự án.

Ngày 24/6/2019, ông Đ có gởi thư điện tử cho ông Th – Giám đốc Công ty A cùng với Hợp đồng lao động nhờ ông Th ký để ông Đ làm hồ sơ vay vốn ngân hàng cũng như xin việc sau này vì ông Đ đã có ý định xin nghỉ việc. Ông Th tin tưởng ông Đ nên có ký lùi Hợp đồng lao động vào ngày 28/4/2019.

Ông Đ có đơn xin nghỉ việc ngày 10/8/2019 và thực tế nghỉ việc từ cuối tháng 8/2019. Đầu tháng 9/2019, ông Đ chỉ đến Chi nhánh để thực hiện việc bàn giao sổ sách, hồ sơ trước khi nghỉ chứ không có làm việc gì khác cho Chi nhánh.Trước khi ông Đ nghỉ việc thì giữa Chi nhánh, Công ty A và ông Đ không còn công nợ nào. Ông Đ không có văn bản yêu cầu nào gởi đến Chi nhánh, Công ty A yêu cầu giải quyết các công nợ còn thiếu.

Nguồn vốn các cổ đông đóng góp đều chuyển vào tài khoản của Chi nhánh và Chi nhánh sử dụng toàn bộ nguồn vốn này vào thực hiện Dự án trạm trộn bê tông, bao gồm việc thanh toán toàn bộ lương cho nhân viên Chi nhánh. Chi nhánh được toàn quyền sử dụng nguồn vốn này, tự hoạch toán thu chi, không phụ thuộc vào Công ty A, không phải hoạch toán, quyết toán với Công ty A.

Do thực tế ông Đ không phải hưởng lương từ Công ty A và Chi nhánh có nguồn vốn sử dụng và hoạch toán độc lập với Công ty A nên Công ty A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Công ty cổ phần xây dựng Công Trình A1 – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Thống nhất với trình bày của đại diện Công ty A, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Đ. Ông xác định Chi nhánh không ký hợp đồng lao động nào với ông Đ vì ông Đ là một trong những thành viên góp vốn để thực hiện Dự án trạm trôn bê tông. Việc trả lương cho ông Đ là từ nguồn vốn góp của các cổ đông, không liên quan đến Công ty A. Chi nhánh đã thực hiện thanh toán đủ lương cho ông Đ từ tháng 5/2019 đến tháng 8/2019. Còn tháng 9/2019 ông Đ không đi làm, mà chỉ đến để bàn giao sổ sách tài liệu khi nghỉ việc nên ông Đ yêu cầu trả lương là không đúng.

Về các khoản hỗ trợ khác (nhà ở, xăng xe...) thì Chi nhánh có thuê nhà 3 tầng vừa làm văn phòng chi nhánh vừa làm chỗ ở cho lãnh đạo (bao gồm ông Đ) và cung cấp xe ô tô riêng cho ông Đ sử dụng nên ông Đ yêu cầu Công ty A

trả các khoản phụ cấp này là không đúng.

Về chi trả năng suất kinh doanh 115.000.000 đồng/tháng theo Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019: Ông xác định Hợp đồng lao động này là không có thật. Việc góp vốn thực hiện Dự án này lời lãi các bên góp vốn thỏa thuận chia theo tỷ lệ góp vốn nên không có việc chi trả tiền năng suất kinh doanh. Từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2019 chi nhánh chính thức đi vào hoạt động sản xuất bê tông, và việc kinh doanh đến nay không có lãi mà còn lỗ vốn (có báo cáo kiểm toán nội bộ).

Từ tháng 5/2019 khi đã xây dựng xong trạm trộn bê tông, dự án đi vào giai đoạn vận hành sản xuất. Ông Đ có ban hành quy chế lương nội bộ cho Chi nhánh nhưng không báo cáo Công ty A.

Ông Đ đã tuyển dụng gần 50-60 nhân viên và tự trả lương tháng 5. Tuy nhiên theo báo cáo của ông Đ thì đến tháng 5/2019 Chi Nhánh đã chi tiêu hết nguồn vốn nên ông Đ tự cho Chi nhánh vay tiền trả lương hơn 500.000.000 đồng. Khoản tiền này sau khi ông Đ nghỉ việc tại Chi nhánh sau ngày 01//9/2019 thì ông Đ đã yêu cầu ông B (phụ trách phòng kế toán của Chi nhánh) xác nhận một khoản công nợ 741.000.000 đồng trong đó bao gồm toàn bộ lương tháng 5/2019 mà ông Đ đã cho Chi nhánh vay trả lương cho toàn bộ Chi nhánh. Sau đó ông Đ thúc ép Giám đốc chi nhánh mới là ông H phải trả khoản tiền này. Vì khoản tiền này chỉ có giấy xác nhận nợ của ông B và ông Đ mà không có chứng từ chứng minh (như bảng chấm công, bảng chi lương) nên ông H không có cơ sở để giải quyết, nhưng do thúc ép của ông Đ và để tập trung cho dự án hoạt động liên tục an toàn nên ngày 04/9/2019 Chi nhánh đã chuyển trả ông Đ 500.000.000 đồng và ngày 02/10/2019 chi trả số tiền 251.358.547 đồng vào tài khoản cá nhân ông Đ.

Lương tháng 6/2019, tháng 7/2019 và tháng 8/2019 ông Đ đã nhận đủ lương theo đúng quy định đã thỏa thuận với chi nhánh trong đó:

Lương tháng 6/2019 ông Đ (đang làm Giám đốc chi nhánh) bảng lương do ông Đ tổ chức thực hiện theo quy chế mà ông Đ tự ban hành thì ông Đ đã nhận lương vào ngày 12/7/2019 với mức lương 56.650.000 đồng (trong khi mức lương giám đốc là 50.000.000 đồng).

Lương tháng 7/2019: Sau khi ông Trần Minh H thay thế ông Đ làm giám đốc Chi nhánh, ông H đã bổ nhiệm ông Đ làm phó giám đốc sản xuất và ban hành quy chế lương mới trên cơ sở mức lương cũ mà toàn thể cán bộ nhân viên Chi nhánh đang được hưởng trước đó, và điều chỉnh một số vị trí cho phù hợp với tổ chức bộ máy mới. Theo đó ông Đ đã nhận lương tháng 7/2019 là 30.000.000 đồng sau khi trừ các khoản bảo hiểm, và thuế thì ông Đ thực lĩnh là 26.905.550 đồng.

Lương tháng 8/2019: ông Đ đã nhận lương tháng 8/2019 là 30.000.000 đồng sau khi trừ các khoản bảo hiểm, và thuế.. thì ông Đ thực lĩnh là 26.539.425 đồng.

Quá trình nhận lương tháng 7/2019, tháng 8/2019 thực hiện theo quy chế lương do giám đốc Chi nhánh mới là ông Trần Minh H ban hành theo quyết định

số 18/2019/QĐ-AGPHCM đã được thông qua họp bàn với toàn thể lãnh đạo và nhân viên Chi nhánh và nhận được sự đồng thuận của mọi người (bao gồm cả ông Đ không hề có khiếu nại thắc mắc gì).

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lương, phụ cấp, năng suất kinh doanh còn thiếu từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019 là 795.657.692 đồng và lãi chậm trả với lãi suất 4%/năm theo Quyết định số 1729/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 trên số tiền chậm trả đến ngày 18/7/2022 là 97.778.929 đồng.

Đại diện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo qui định của pháp luật. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử từ ngày thụ lý vụ án đến ngày đưa vụ án ra xét xử có vi phạm thời hạn theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự, người đại diện ủy quyền có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, văn bản ủy quyền đúng quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án, Đề nghị Hội đồng xét xử : Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu trả phụ cấp nhà ở, phụ cấp xăng xe tháng 5/2019, tháng 6/2019 và lãi chậm trả đối với khoản tiền này; Không chấp nhận yêu cầu trả lương và phụ cấp tháng 4/2019, lương tháng 5/2019 và tháng 6/2019, phụ cấp và lương còn thiếu tháng 7/2019, tháng 8/2019, tháng 9/2019 và lãi chậm trả đối với khoản tiền này; Không chấp nhận yêu cầu trả năng suất kinh doanh 115.000.000 đồng/tháng từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019 và lãi chậm trả đối với khoản tiền này. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Ông Nguyễn Minh Đ khởi kiện Công ty cổ phần xây dựng Công Trình A (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Đ) với yêu cầu trả tiền lương còn thiếu, đã qua hòa giải nhưng không thành nên đây là vụ án tranh chấp tiền lương thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định tại Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đại diện ủy quyền nguyên đơn ông Lê Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2]. Về yêu cầu trả lương, phụ cấp còn thiếu từ tháng 4/2019 đến tháng 9/2019 và lãi chậm trả các khoản này của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ Hợp đồng lao động số 007/HĐLĐ ngày 28/4/2019 giữa ông Nguyễn Minh Đ với Công ty Công ty cổ phần xây dựng Công Trình A có nội dung thỏa thuận:

- Loại hợp đồng lao động: có thời hạn 03 năm từ ngày 02/5/2019.
- Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tiền lương cơ bản: 50.000.000 đồng
- Phụ cấp gồm: phụ cấp nhà ở 10.000.000 đồng; phụ cấp xăng xe 5.000.000 đồng; phụ cấp giao thông, điện thoại, năng suất kinh doanh 115.000.000 đồng.

Các khoản hỗ trợ có thể thay đổi và dựa theo quy chế lương và tình hình tài chính của công ty hoặc thỏa thuận khác (nếu có)

Bị đơn xác nhận ông Nguyễn Văn Th – Giám đốc Công ty A có ký hợp đồng lao động này với ông Đ nhưng Hợp đồng này ông Đ nhờ ông Th ký để sử dụng vào việc riêng của ông Đ chứ thực tế lương ông Đ do Chi nhánh trả từ nguồn vốn góp của các thành viên.

Xét ông Nguyễn Minh Đ được Hội đồng quản trị Công ty A bổ nhiệm giám đốc chi nhánh vào tháng 1/2019 và thực tế có làm việc tại Chi nhánh với chức danh giám đốc và đã nhận lương tháng 5/2019 và tháng 6/2019 với mức 50.000.000 đồng/tháng. Như vậy việc giao kết Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 giữa ông Đ với Công ty A là có thật và có giá trị pháp lý. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 không phải là giao kết hợp đồng lao động với ông Đ mà ông Đ nhờ ông Th ký để sử dụng vào việc riêng của ông Đ nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét các thỏa thuận trong Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 được áp dụng từ ngày 02/5/2019 nên việc ông Đ yêu cầu trả lương, phụ cấp tháng 4/2019 theo Hợp đồng lao động này và lãi chậm trả là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Căn cứ Giấy biên nhận nợ ngày 26/6/2019 của Chi nhánh có nội dung: *" Công ty chúng tôi còn nợ ông Nguyễn Minh Đ số tiền 741.000.000 đồng bao gồm: 1.000.000 đồng nộp tài khoản công ty (ngày 22/2/2019), 90.000.000 đồng ngày 26/2/2019, 50.000.000 đồng tiền đi du lịch (ngày 18/6/2019) và 600.000.000 đồng thanh toán lương cán bộ công nhân viên tháng 5, chữ ký số, tiếp khách, hoạt động khác (ngày 26/6/2019)"*; Căn cứ các phiếu thanh toán lương chuyển khoản ngân hàng của nhân viên, bảng thanh toán lương tháng 5/2019 ký nhận trực tiếp, bảng thanh toán lương tháng 5/2019 thì trong số tiền nợ 600.000.000 đồng trên bao gồm nợ lương tháng 5/2019 của ông Đ là 50.000.000 đồng.

Căn cứ Phiếu chi ngày 04/9/2019, Giấy nộp tiền mặt ngày 04/9/2019, Phiếu chi ngày 02/10/2019 và Biên lai chuyển tiền ngày 02/10/2019 vào tài khoản của ông Nguyễn Minh Đ số 21310000429891 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam thì Chi nhánh đã chuyển trả đủ số tiền 741.000.000 đồng nợ ông Đ. Như vậy ông Đ đã nhận đủ lương tháng 5/2019 với số tiền 50.000.000 đồng. Do đó ông Đ yêu cầu trả lương tháng 5/2019 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Căn cứ bảng lương tháng 6/2019 ông Đ ký nhận và lời xác nhận của đại diện nguyên đơn thì ông Đ đã nhận lương tháng 6/2019 với số tiền 56.650.000 đồng thì ông Đ đã nhận đủ lương tháng 6/2019. Do đó ông Đ yêu cầu trả lương tháng 6/2019 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.5] Theo Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019, ông Đ hưởng phụ cấp nhà ở 10.000.000 đồng; phụ cấp xăng xe 5.000.000 đồng. Bị đơn và người liên quan cho rằng Chi nhánh có thuê nhà 3 tầng vừa làm văn phòng chi nhánh vừa làm chỗ ở cho lãnh đạo (bao gồm ông Đ) và cung cấp xe ô tô riêng cho ông Đ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Xét bảng lương tháng 5/2019 và tháng 6/2019 thanh toán cho ông Đ chưa có chi các khoản phụ cấp này nên cần buộc bị đơn thanh toán số tiền phụ cấp này cho nguyên đơn. Cụ thể tổng phụ cấp tháng 5/2019 và tháng 6/2019 là 30.000.000 đồng.

Đối với phụ cấp giao thông, phụ cấp điện thoại các bên không thỏa thuận cụ thể số tiền. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn cũng không xác định số tiền cụ thể nên không có cơ sở xem xét.

[2.6] Theo Điều 96 Bộ luật Lao động năm 2012 quy định: "*Người lao động được trả lương trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn.Trường hợp đặc biệt không thể trả lương đúng thời hạn thì không được chậm quá 01 tháng và người sử dụng lao động phải trả thêm cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương"*

Do đến nay bị đơn chưa thanh toán phụ cấp tháng 5/2019 và tháng 6/2019 cho nguyên đơn nên căn cứ Điều 96 Bộ luật Lao động năm 2012 và điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định 05/2015 của Chính phủ ngày 12/01/2015" *Nếu thời gian trả lương chậm từ 15 ngày trở lên thì phải trả thêm một khoản tiền ít nhất bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch thông báo tại thời điểm trả lương*", cần buộc bị đơn trả lãi chậm trả cho nguyên đơn.

Theo khoản 1 Điều 3 Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 quy định " *Công ty cổ phần xây dựng công trình A1 – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm trả lương cho người lao động vào các ngày : Trả lương 1 lần vào ngày 5 hàng tháng và chuyển khoản ATM..."* . Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả là 4%/năm theo khoản 2 Điều 1 Quyết định 1729/QĐ-NHNN ngày 30/9/2020 từ thời điểm chậm trả lương đến

ngày tòa xét xử (18/7/2022) nên số tiền lãi chậm trả phụ cấp tháng 5/2019 và tháng 6/2019 được tính như sau:

- Từ ngày 6/5/2019 đến ngày 18/7/2022: 15.000.000 đồng x 4%/năm x 3 năm 2 tháng 12 ngày (tương ứng 1.167 ngày) = 1.945.000.000 đồng.

- Từ ngày 6/6/2019 đến ngày 18/7/2022: 15.000.000 đồng x 4%/năm x 3 năm 1 tháng 12 ngày (tương ứng 1.137 ngày) = 1.895.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi chậm trả là 3.840.000.000 đồng.

[2.7] Căn cứ Quyết định 09/QĐ/HĐQT-AGP ngày 20/6/2019 của Công ty cổ phần xây dựng công trình A về việc bổ nhiệm ông Trần Minh H giữ chức vụ Giám đốc và là người đứng đầu Công ty cổ phần xây dựng công trình A1 – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh thay thế ông Nguyễn Minh Đ có hiệu lực từ ngày 20/6/2019.

Căn cứ Quyết định 26/2019/QĐ-AGP ngày 02/7/2019 của Công ty cổ phần xây dựng công trình A về việc bổ nhiệm Phó giám đốc thì ông Nguyễn Minh Đ được bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc phụ trách sản xuất kiêm Trưởng phòng kỹ thuật sản xuất của Công ty kể từ ngày 02/7/2019.

Căn cứ Quy chế lương của Công ty cổ phần xây dựng công trình A1– Chi nhánh Hồ Chí Minh ngày 01/7/2019; Căn cứ Hệ thống bậc lương năm 2019 và Bảng hệ số lương và các khoản phụ cấp theo lương khối văn phòng được ban hành kèm theo Quy chế lương thì Phó giám đốc được hưởng lương và phụ cấp như sau: lương cơ bản 5.141.400 đồng, lương trách nhiệm 1.800.000 đồng, phụ cấp xăng xe 700.000 đồng, phụ cấp điện thoại 700.000 đồng, phụ cấp ăn 1.500.000 đồng, phụ cấp hao mòn xe 250.000 đồng, phụ cấp nhà ở 5.000.000 đồng, phụ cấp khác 14.908.600 đồng. Tổng lương và phụ cấp là 30.000.000 đồng/tháng.

Xét sau khi ông Đ bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng công trình A1– Chi nhánh Hồ Chí Minh giữa Công ty cổ phần xây dựng công trình A và ông Đ không ký hợp đồng lao động nào khác và căn cứ khoản 1 Điều 3 Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 có nội dung *"Các khoản hỗ trợ có thể thay đổi và dựa theo quy chế lương và theo tình hình tài chính của công ty hoặc thỏa thuận khác*" thì lương và các khoản phụ cấp của ông Đ tháng 7/2019 và tháng 8/2019 được áp dụng theo Quy chế lương của Công ty cổ phần xây dựng công trình A1– Chi nhánh Hồ Chí Minh ngày 01/7/2019 đã nêu trên.

Căn cứ Bảng lương tháng 7/2019 và tháng 8/2019 có chữ ký nhận lương của ông Đ (chức danh Phó Giám đốc) và xác nhận của đại diện nguyên đơn ông Đ đã nhận lương tháng 7/2019 và tháng 8/2019 mỗi tháng là 30.000.000 đồng . Như vậy ông Đ đã nhận đủ lương và phụ cấp theo quy định. Do đó ông Đ yêu cầu trả lương, phụ cấp tháng 7/2019 và tháng 8/2019 theo Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 và lãi chậm trả là không có cơ sở chấp nhận.

[2.8] Căn cứ Đơn xin thôi việc ngày 10/8/2019 của ông Đ xin nghỉ việc từ ngày 01/9/2019. Tại Biên bàn hòa giải ngày 7/4/20222, đại diện nguyên đơn trình bày do công ty có yêu cầu bàn giao hồ sơ nên ông Đ đi làm đến hết ngày 12/9/2019 mới nghỉ. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày trong thời gian

bàn giao hồ sơ từ 1/9/2019 đến 12/9/2019 ông Đ vẫn tiến hành giải quyết công việc của Chi nhánh với chức danh Phó Giám đốc nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ông Lê Tuấn N trình bày tháng 9/2019 ông Đức đến Chi nhánh để bàn giao hồ sơ giấy tờ chứ không giải quyết công việc gì cho Chi nhánh. Xét lời trình bày của ông N phù hợp với trình bày của đại diện nguyên đơn trong biên bản hòa giải ngày 07/4/2022, có cơ sở xác định từ ngày 01/9/2019 đến ngày 12/9/2019 ông Đ đến Chi nhánh để thực hiện việc bàn giao hồ sơ, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu trả lương, phụ cấp cho những ngày đi làm tháng 9/2019 và lãi chậm trả.

[3] Về yêu cầu trả năng suất kinh doanh 115.000.000 đồng/tháng từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2019 và lãi chậm trả.

Căn cứ Báo cáo kiểm toán nội bộ số 200521.001/BCTV.AGT ngày 21/10/2021 về việc rà soát thông tin Báo cáo quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần xây dựng Công trình A1 – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2019, tại Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 30/6/2019 thì số dư tại ngày 30/6/2019 gồm: tiền 1.101.994.672 đồng, nợ phải thu 10.621.863.552 đồng, nợ phải trả 15.311.449.703 đồng và Báo cáo kết quả kinh doanh theo kỳ hoạt động thì tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty là (5.582.487.730 đồng). Như vậy hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng công trình A1 – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh không có lợi nhuận mà còn lỗ 5.582.487.730 đồng.

Xét kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần xây dựng công trình A1 – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2019 không có lợi nhuận nên ông Đ yêu cầu Công ty trả năng suất kinh doanh 115.000.000 đồng/tháng từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2019 và lãi chậm trả là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả năng suất kinh doanh 115.000.000 đồng/tháng từ tháng 7/2019 đến tháng 9/2019 và lãi chậm trả.

Như đã nhận định tại [2.7] thì từ ngày 02/7/2019 ông Đ làm việc tại Chi nhánh với chức danh Phó giám đốc, các bên không có ký hợp đồng lao động hay thỏa thuận khác nên lương và các khoản phụ cấp của ông Đ tháng 7/2019 và tháng 8/2019 được áp dụng theo Quy chế lương của Công ty cổ phần xây dựng công trình A1– Chi nhánh Hồ Chí Minh ngày 01/7/2019, không áp dụng Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 nên nguyên đơn yêu cầu trả năng suất kinh doanh 115.000.000 đồng/tháng từ tháng 7/2019 đến tháng 8/2019 và lãi chậm trả là không có cơ sở chấp nhận.

Và như đã nhận định tại [2.8] thì tháng 9/2019 ông Đ không đi làm nên yêu cầu trả năng suất kinh doanh cho những ngày đi làm là không có cơ sở chấp nhận.

Tóm lại, từ những phân tích, nhận định trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về trả phụ cấp nhà ở và phụ cấp xăng xe tháng 5/2019, tháng 6/2019 với tổng số tiền 30.000.000 đồng và lãi chậm trả 3.840.000 đồng. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu trả lương, phụ cấp, năng suất kinh doanh tháng 4/2019 theo Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 với

tổng số tiền 130.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán trên số tiền này. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu thanh toán lương, năng suất kinh doanh của tháng 5/2019, tháng 6/2019 theo Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 với tổng số tiền 273.350.000 và lãi chậm thanh toán trên số tiền này. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu thanh toán lương, phụ cấp và năng suất kinh doanh của tháng 7/2019, tháng 8/2019, tháng 9/2019 theo Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 với tổng số tiền 362.307.692 đồng và lãi chậm trả trên số tiền này.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần xây dựng công trình A (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Đ) phải chịu án phí là (33.840.000 đồng x 3%) = 1.015.200 đồng.

Ông Nguyễn Minh ĐứcĐ không phải chịu án phí.

Từ những nhận định và phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 32, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 94, 95, 96 Bộ luật lao động năm 2012;

- Áp dụng Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung cùa Bộ luật Lao động;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình A (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Đ) thanh toán cho ông Nguyễn Minh Đ phụ cấp nhà ở và phụ cấp xăng xe tháng 5/2019, tháng 6/2019 với tổng số tiền 30.000.000 đồng và lãi chậm trả 3.840.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình A (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Đ) thanh toán lương, phụ cấp, năng suất kinh doanh tháng 4/2019 theo Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 với tổng số tiền 130.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán trên số tiền này.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình A (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Đ) thanh toán

lương, năng suất kinh doanh của tháng 5/2019, tháng 6/2019 theo Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 với tổng số tiền 273.350.000 và lãi chậm thanh toán trên số tiền này.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình A (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Đ) thanh toán lương, phụ cấp và năng suất kinh doanh của tháng 7/2019, tháng 8/2019, tháng 9/2019 theo Hợp đồng lao động ngày 28/4/2019 với tổng số tiền 362.307.692 đồng và lãi chậm trả trên số tiền này.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty cổ phần xây dựng công trình A (nay là Công ty cổ phần tập đoàn Đ) phải chịu án phí là 1.058.400 đồng.

Ông Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố T
- Chi cục THADS thành phố T ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo